

Bản án số: 475/2022/HS-PT

Ngày: 12/7/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thị Mai;

Ông Phạm Việt Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Lý - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh P, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 1016/2021/TLPT-HS ngày 05 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Ngọc A phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2021/HSST ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh P.

Bị cáo bị kháng cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Ngọc A**; sinh ngày 14/10/1991 tại huyện C, tỉnh P; Nơi cư trú: khu 5, phường V1, thành phố V, tỉnh P; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng đến khi kết thúc quá trình xét xử); Bố đẻ: Nguyễn Thanh T, sinh N 1965; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị Kim V2, sinh N 1967; Đều ở khu 5, phường V1, thành phố V, tỉnh P; Anh chị em ruột: có 02 anh em, Nguyễn Ngọc A là con thứ nhất; Vợ: Trần Việt L, sinh N 1991 ở khu 5, phường V1, thành phố V, tỉnh P; Con: Có 01 con sinh N 2018; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/11/2020. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh P. (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Chu Văn Q - Công ty luật hợp danh H thuộc Đoàn luật sư tỉnh P; (có mặt).

Bị hại có kháng cáo: Chị Đoàn Thị P1, sinh N 1986, địa chỉ: Khu 3, phường V3, thành phố V, tỉnh P; (vắng mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không kháng cáo, không liên quan đến nội dung kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 12/9/2020 đến 15/9/2020, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh P đã nhận được đơn tố giác, tin báo về tội phạm của chị Đoàn Thị P1, sinh N 1986, trú tại khu 3, phường V3, thành phố V, tỉnh P; Anh Trần Văn Đ, sinh N 1996, ở khu 8, xã V4, huyện T1, tỉnh P; Anh Nguyễn Ngọc H2, sinh N 1990, ở khu H, phường G, thành phố V, tỉnh P; Anh Lê Văn H2, sinh N 1990, ở khu 2, xã P2, thị xã P, tỉnh P; Anh Nguyễn Đức T3, sinh N 1963, ở tổ 11, cụm 2, phường X, quận T4, thành phố H3 và nhiều người khác tố giác Nguyễn Ngọc A, sinh N 1991, trú tại phường V1, thành phố V, tỉnh P đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Cơ quan CSĐT Công an tỉnh P đã tiến hành xác minh thu thập, tài liệu chứng cứ theo quy định pháp luật. Đến ngày 16/11/2020, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh P đã khởi tố, bắt tạm giam đối với Nguyễn Ngọc A về tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra đã làm rõ hành vi phạm tội của bị cáo như sau:

Khoảng cuối tháng 5/2020, do vay nợ tiền của nhiều người với số tiền khoảng 07 (bảy) tỷ đồng không có khả năng trả nợ nên Nguyễn Ngọc A đã nảy sinh ý định lừa đảo bằng hình thức thuê xe ô tô rồi đem đi cầm cố lấy tiền trả nợ. Trong một thời gian ngắn Nguyễn Ngọc A đã liên tục thuê, mượn 05 xe ô tô rồi đem đi cầm cố lấy tiền và lừa tiền với tổng giá trị tài sản là 3.815.000.000đ cụ thể:

- Ngày 31/5/2020, Nguyễn Ngọc A đến Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển T5, địa chỉ: Phường T6, thành phố V, tỉnh P gặp anh Trần Văn Đ, sinh N 1996, chức vụ nhân viên quản lý xe của Công ty, đặt vấn đề thuê xe ô tô AVANZA, BKS: 19A-216.08 (thời gian thuê từ ngày 31/5/2020 đến ngày 07/6/2020) để đi lại phục vụ sinh hoạt cá nhân, thỏa thuận giá thuê xe 700.000đ/ngày, hai bên có làm hợp đồng cho thuê xe ghi ngày 31/5/2020. Đạt đã giao xe ô tô cùng toàn bộ giấy tờ xe cho Ngọc A gồm: 01 bản phô tô đăng ký xe ô tô mang tên Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển T5, 01 bảo hiểm trách nhiệm dân sự, 01 giấy chứng nhận kiểm định.

Sau khi thuê được xe, ngày 12/8/2020 Nguyễn Ngọc A đã đem xe cùng toàn bộ giấy tờ xe thế chấp cho anh Trần Viết N, sinh N 1982, ở xã A1, huyện L2, tỉnh B để vay số tiền 200.000.000đ Ngọc A có viết giấy vay tiền và giao cho anh N giữ

để làm căn cứ. Ngọc A đã sử dụng tiền để trả nợ hết, không có tiền trả cho anh N để chuộc lại xe trả cho Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển T5.

- Ngày 14/7/2020, Nguyễn Ngọc A đến gặp chị Đoàn Thị P1, sinh N 1986, nơi cư trú: Khu 3, phường V3, thành phố V, tỉnh P thuê xe ô tô nhãn hiệu PEUGOT, BKS: 19A-197.60 của chị P1 trong thời hạn 15 ngày, chị P1 đồng ý cho thuê xe với giá là 1.000.000đ/ngày. Sau khi thỏa thuận thống nhất, chị P1 đánh máy hợp đồng theo đúng thỏa thuận rồi đưa cho Ngọc A ký. Chị P1 giao xe ô tô cho Ngọc A cùng với giấy tờ xe gồm: 01 chứng nhận đăng kiểm, 01 giấy biên nhận thể chấp ngân hàng đối với chiếc xe trên, 01 bảo hiểm xe bắt buộc, 01 bảo hiểm xe tự nguyện, 01 bản phô tô giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô.

Sau khi thuê được xe ô tô, ngày 16/7/2020 Nguyễn Ngọc A đã đem xe cùng toàn bộ giấy tờ xe mang thể chấp cho anh Trần Văn D, sinh N 1982, ở thị trấn Đ1, huyện T7, tỉnh V5 để vay số tiền 400.000.000đ Ngọc A có viết giấy vay tiền và giao cho anh N giữ để làm căn cứ, số tiền này Ngọc A sử dụng để trả nợ hết. Đến hạn không thấy Ngọc A trả xe nên chị P1 có đòi xe, Ngọc A nói với chị P1 đã cầm cổ xe ô tô lấy 400.000.000đ, Ngọc A đề nghị chị P1 cho vay 90.000.000đ để chuộc xe, chị P1 đưa cho Ngọc A vay 90.000.000đ, sau khi nhận tiền Ngọc A không chuộc lại xe, không trả lại tiền cho anh D mà sử dụng số tiền 90.000.000đ để trả nợ hết, không trả lại xe và tiền cho chị P1.

- Khoảng cuối tháng 7/2020, Nguyễn Ngọc A đến gặp anh Nguyễn Ngọc H2 sinh N 1990, trú tại khu H, phường G, thành phố V, tỉnh P mượn chiếc xe ô tô Tucson, màu vàng BKS: 88A-266.95 là xe ô tô của anh Bùi Duy H4, sinh N 1991, cư trú: thôn K, xã Đ2, huyện S, tỉnh V5 cho anh H2 mượn, quản lý. (thời gian Nguyễn Ngọc A mượn xe của anh H2 là 02 tháng). Do là bạn thân chơi với nhau nên anh H2 đã đồng ý cho Ngọc A mượn chiếc xe ô tô trên không viết giấy tờ gì.

Sau khi mượn được xe, ngày 28/8/2020 Nguyễn Ngọc A đã đem xe ô tô thể chấp cho anh Trần Viết N, sinh N 1982, ở xã A1, huyện L2, tỉnh B để vay số tiền 440.000.000đ, Nguyễn Ngọc A có viết giấy vay tiền và giao cho anh N giữ để làm căn cứ. Nguyễn Ngọc A đã sử dụng số tiền này để trả nợ hết không có tiền trả cho anh N để chuộc lại xe trả cho anh H2.

- Ngày 30/7/2020, Nguyễn Ngọc A đến gặp anh Lê Văn H2, sinh N 1990, trú tại khu 2, xã P2, thị xã P2, tỉnh P thuê xe ô tô Cerato, BKS: 19A-207.98 của anh H2 (thời gian thuê từ ngày 30/7/2020 đến ngày 20/8/2020), với giá thuê xe 900.000đ/ngày. Sau khi thỏa thuận thống nhất với nhau Ngọc A có viết một hợp đồng thuê xe theo mẫu in sẵn rồi đưa cho anh H2 giữ để làm căn cứ, anh H2 đã giao xe ô tô cho Ngọc A cùng 01 bản phô tô giấy chứng nhận đăng ký xe, 01 giấy chứng nhận kiểm định, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm.

Sau khi thuê được xe, ngày 05/8/2020 Nguyễn Ngọc A đã đem xe ô tô trên thể chấp cho anh Trần Viết N, sinh N 1982, ở xã A1, huyện L2, tỉnh B để vay số tiền 170.000.000đ, Ngọc A có viết giấy vay tiền và giao cho anh N giữ để làm căn

cứ. Sau khi có tiền Ngọc A đã sử dụng để trả nợ hết, không có tiền trả cho anh N để chuộc lại xe trả cho anh H2.

- Ngày 29/7/2020, Ngọc A đến gặp anh Nguyễn Đức T3 - Phó giám đốc Công ty TNHH Thương mại và du lịch A2, địa chỉ: Phường X, Quận T4, H3 thuê chiếc xe ô tô Fortuner, BKS: 30F-659.27 của Công ty (thời gian thuê từ ngày 29/7/2020 đến ngày 29/8/2020), với giá thuê xe 40.000.000đ/tháng. Sau khi thống nhất, Nguyễn Ngọc A viết hợp đồng thuê xe theo mẫu rồi đưa cho anh T3 giữ để làm căn cứ. Anh T3 đã giao xe ô tô cùng giấy tờ xe cho Nguyễn Ngọc A gồm: 01 giấy chứng nhận kiểm định, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc, 01 giấy biên nhận thế chấp ngân hàng.

Sau khi nhận xe, ngày 05/8/2020 Nguyễn Ngọc A đã đem thế chấp chiếc xe trên cùng toàn bộ giấy tờ xe cho anh Trần Viết N để vay số tiền 320.000.000đ, Nguyễn Ngọc A có viết giấy vay tiền và giao cho anh N giữ để làm căn cứ. Sau khi vay được tiền Nguyễn Ngọc A đã sử dụng để trả nợ hết không có tiền trả cho anh N để chuộc lại xe trả cho anh T3.

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh P đã ra thông báo truy tìm vật chứng đối với 05 xe ô tô nêu trên. Ngày 13/9/2020, anh Trần Văn D đã tự nguyện giao nộp xe ô tô BKS: 19A-197.60 cùng toàn bộ giấy tờ xe, giấy vay tiền cho Cơ quan điều tra và đề nghị trả lại xe và giấy tờ xe cho chủ sở hữu; Anh Trần Viết N đã tự nguyện giao nộp 04 xe ô tô BKS: 19A-216.08, BKS: 30F-659.27, BKS: 19A-207.98, BKS: 88A-266.95 và giấy tờ xe, kèm theo 04 giấy vay tiền cho Cơ quan điều tra và đề nghị trả lại xe và giấy tờ xe cho chủ sở hữu.

Ngày 29/9/2020, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh P đã có Công văn gửi Hội đồng định giá tài sản thuộc UBND huyện P3 yêu cầu định giá tài sản các xe ô tô nêu trên.

Ngày 08/10/2020, Hội đồng định giá tài sản UBND huyện P3 kết luận số 27, 28, 29, 30, 32: Trị giá của các xe ô tô tại thời điểm Nguyễn Ngọc A thuê có giá trị như sau: Chiếc xe ô tô nhãn hiệu PEUGOT, BKS:19A-197.60 có giá là 890.000.000đ; Xe ô tô AVANZA, BKS:19A-216.08 có giá là 460.000.000đ; xe ô tô TUCSON, BKS: 88A-266.95 có giá là 785.000.000đ; xe ô tô KIA CERATO, BKS:19A-207.98 có giá là 540.000.000đ; xe ô tô FORTUNER, BKS: 30F-659.27 có giá là 1.050.000.000đ. Tổng giá trị 5 xe ô tô là: 3.725.000.000đ (Ba tỷ bảy trăm hai mươi lăm triệu đồng).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2021/HSST ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh P đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc A phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s, t, u, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc A 10 (Mười) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 16/11/2020.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/9/2021, bị hại là chị Đoàn Thị P1 có đơn kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo thành khẩn khai báo và thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Người bị hại là chị Đoàn Thị P1 vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Ngọc A về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174; áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định điểm s, t, u, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo mức án 10 năm 06 tháng tù là chưa phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo. Xét kháng cáo của bị hại chị Đoàn Thị P1, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội thấy: Hành vi của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, phải có trách nhiệm hoàn trả cho người bị hại số tiền 1.530.000.000 đồng nhưng bị cáo chưa bồi thường cho người bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật Hình sự, tăng hình phạt; xử phạt bị cáo 12 năm tù.

Người bào chữa cho bị cáo có ý kiến thể hiện bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người bị hại, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa phúc thẩm người bị hại có kháng cáo là chị Đoàn Thị P1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người bị hại theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa

phù hợp với lời khai của của những người bị hại, người làm chứng; phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Do bản thân Nguyễn Ngọc A nợ tiền của nhiều người không có khả năng thanh toán, nên trong khoảng thời gian từ cuối tháng 5/2020 đến cuối tháng 8/2020, Nguyễn Ngọc A đã có hành vi gian dối với hình thức lừa thuê 5 chiếc xe ô tô của 5 bị hại. Cụ thể: xe ô tô nhãn hiệu PEUGOT, BKS: 19A-197.60 có giá là 890.000.000đ; Xe ô tô AVANZA, BKS: 19A-216.08 có giá là 460.000.000đ; xe ô tô TUCSON, BKS: 88A-266.95 có giá là 785.000.000đ; xe ô tô KIA CERATO, BKS: 19A-207.98 có giá là 540.000.000đ; xe ô tô FORTUNER, BKS: 30F-659.27 có giá là 1.050.000.000đ. Tổng giá trị 5 xe ô tô là: 3.725.000.000đ (Ba tỷ bảy trăm hai mươi lăm triệu đồng) đem đi thế chấp vay số tiền 1.530.000.000đồng, ngoài ra bị cáo còn chiếm đoạt của chị Đoàn Thị P1 90.000.000đồng với mục đích vay tiền để chuộc xe. Nguyễn Ngọc A phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng số tiền chiếm đoạt là 3.815.000.000đ. Bởi hành vi nêu trên bị cáo Nguyễn Ngọc A đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo của người bị hại, Hội đồng xét xử thấy:

Hành vi phạm tội của bị cáo đã gây thiệt hại về tài sản cho nhiều người, ở nhiều tỉnh thành trong cả nước gây mất trật tự trị an xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét Quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Ngọc A đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã có thành tích trong công tác được Chủ tịch nước tặng Huy chương chiến sỹ vẻ vang hạng 3, được giám đốc Công an tỉnh P và Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh P tặng giấy khen; Bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong việc phát hiện tội phạm; Trong thời gian tạm giam đã chấp hành tốt nội quy trong Trại tạm giam và giúp cán bộ quản giáo kịp thời ngăn chặn xử lý những đối tượng vi phạm nội quy buồng giam, đã được Trại tạm giam đề nghị giảm nhẹ hình phạt tại Công văn số 737/CAT (PC11) ngày 07/9/2021; Bị cáo có bố đẻ được tặng thưởng nhiều Huy chương chiến sỹ vẻ vang và bằng khen của các cấp để áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định điểm s, t, u, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Mặc dù bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự tuy nhiên Hội đồng xét xử thấy, sau khi khởi tố vụ án bị cáo mới bồi thường cho các người bị hại được số tiền 67.200.000đồng là số tiền không đáng kể so với trách nhiệm phải bồi thường của bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 10 năm 06 tháng tù là có phần nương nhẹ. Tại cấp phúc thẩm bị cáo không được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ mới và đặc biệt là bị cáo không bồi thường thêm cho người bị hại. Do đó có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người bị hại, tăng hình phạt đối với bị cáo để thể hiện sự

nghiêm minh của pháp luật.

Về án phí: Kháng cáo được chấp nhận nên chị Đoàn Thị P1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo của người bị hại là chị Đoàn Thị P1, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2021/HSST ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh P.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s, t, u, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc A 11 (mười một) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 16/11/2020.

2. Về án phí: Chị Đoàn Thị P1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh P;
- VKSND tỉnh P;
- Cục THADS tỉnh P;
- Trại tạm giam Công an tỉnh P;
- Bị cáo (qua TTG);
- Bị hại có kháng cáo (theo địa chỉ);
- Lưu HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Thị Thu Hà